

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục gồm 06 thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; 06 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 482/TTr-SGTVT ngày 29 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục gồm 06 thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo Quyết định số 161/QĐ-BGTVT ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải (*Phụ lục I kèm theo*).

Điều 2. Bãi bỏ 06 thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải đã được công bố tại Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục và quy trình nội bộ giải quyết đối với 19 thủ tục hành chính mới ban hành và 07 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải (*Phụ lục II kèm theo*).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2024.

Điều 4. Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.!

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ - Cục Kiểm soát TTHC;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở TTTT (Phòng CNTT);
- Chi cục đường thủy nội địa khu vực;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH

Trương Hải Long

PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ Phí	Căn cứ pháp lý
01	Gia hạn hoạt động bến thủy nội địa 1.009444	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến hoặc trực tiếp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Không có	- Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 8/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.
02	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa 1.009452	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của UBND cấp huyện, Chi cục đường thủy nội địa khu vực có văn bản trả lời; - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Chi cục đường thủy nội địa khu vực, UBND cấp huyện thẩm định, có văn bản thỏa thuận.	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến hoặc trực tiếp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố. Cơ quan phối hợp: Chi cục đường thủy nội địa khu vực.	Không có	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

03	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính 1.009453	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến hoặc trực tiếp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Không có	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 8/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.
04	Công bố hoạt động bến thủy nội địa 1.009454	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến hoặc trực tiếp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Phí thẩm tra, thẩm định: 100.000đ/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 8/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.
05	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính 1.009455	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến hoặc trực tiếp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Phí thẩm tra, thẩm định: 100.000đ/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
06	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa 1.003658	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến hoặc trực tiếp đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Phí thẩm tra, thẩm định: 100.000đ/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
01	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.
02	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	
03	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	
04	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	
05	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	
06	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	